

VỀ MỘT SỐ TÁC GIA TÁC PHẨM HÁN VĂN VIỆT NAM QUA CỔ HỌC VIỆN THƯ TỊCH THỦ SÁCH A.2601/1-11⁽¹⁾

NGUYỄN TÔ LAN (*)

Triều Nguyễn (1802 - 1945) một mặt đã kế thừa truyền thống sưu tầm, thu thập và tàng trữ thư tịch của các triều đại trước, mặt khác đã nỗ lực xây dựng nhiều thư viện lớn nhằm lưu trữ và quản lý thư tịch ngày một có tính chuyên nghiệp hơn. Triều đại này đã xây dựng 5 nhóm thư viện chính là Thư viện Quốc sử quán, lầu Tàng thư, Thư viện Đông các (bao gồm Thư viện Tụ Khuê), Tân thư viện (sau là Thư viện Bảo Đại), Cổ học viện. Bên cạnh đó, nhà Nguyễn rất chú ý đến việc học tập phương pháp biên mục của Trung Quốc để ứng dụng vào Việt Nam nhằm có được một cái nhìn khoa học về toàn bộ thư tịch thu thập, nhân bản và lưu trữ được. Nhiều bộ thư mục có giá trị về thư tịch được lưu giữ tại các thư viện đã được triều đình tổ chức biên soạn.

Thư viện Quốc sử quán được biết đến qua *Sử quán thư mục* 史館書目 A.112, *Đại Nam quốc sử quán tàng thư mục* 大南國史館藏書目 SA.HM.2185, *Sử quán thủ sách* 史館守冊 A.1025; Tàng thư lâu với *Tàng thư lâu bạ tịch* 藏書樓簿籍 A.968; cụm cơ quan *Nội các*, *Đông các*, *Thư viện Tụ Khuê*, *sở Bí*

thư với *Nội các thư mục* 內閣書目 A.113/1-2, *Nội các thủ sách* 內閣守冊 A.2644, *Tụ Khuê thư viện tổng mục sách* 聚奎書院總目冊 A.119/1-3, *Tụ Khuê thư viện tổng mục sách - Quốc thư bản* 聚奎書院總目冊-國書板 A.111, *Bí thư sở thủ sách* 秘書所守冊 (tủ sách tư gia), Tân thư viện với hai bản *Tân thư viện thủ sách* 新書院守冊 A.1024 và A.2645/1-3, Cổ học viện với *Cổ học viện thư tịch thủ sách* 古學院書籍守冊 A.2601/1-11⁽²⁾.

Cổ học viện thư tịch thủ sách 古學院書籍守冊 A.2601/1-11⁽³⁾ được biên soạn từ năm 1924 đến 1925, gồm 11 bản viết, kí hiệu thư viện là A.2601/1-11 (trong đó A.2601/11 là bản chép lại A.2601/10, do vậy, chúng tôi không khảo sát bản A.2601/11), tổng cộng 2472 tr., 27x15cm. Về phương pháp miêu thuật, các đơn vị thư mục trong *CHV* được trình bày theo 8 yếu tố: tên sách (số bộ đủ hoặc thiếu); nội dung sách (tóm lược); người biên soạn; số quyển nguyên có; số quyển hiện đóng; kí hiệu sách (số kí hiệu đăng kí ở Cổ học viện); khắc in hay sao chép cùng với lai lịch sách; cách

(*) ThS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

đóng của sách (lối cũ, lối mới, đóng thành hộp...). Nói chung, phần lớn sách được trình bày đầy đủ theo 8 yếu tố như trên nhưng tùy theo tình hình

thực tế mà một số sách không được miêu tả đầy đủ.

Kết cấu của bộ thư mục này được mô tả sơ lược qua bảng sau:

Kho	Tổng số bộ	Chi tiết			Thời điểm làm biên mục và bị chú
		Loại	Số bộ	Số quyển	
<i>Tân thư thủ sách</i> A.2601/1	262	Nguyên thư viện lưu thủ	241	825	
		Cổ học viện mua trong năm	18	183	
		Bộ Học giao hằng năm	2	2	
		Tư nhân tặng	1	32	
		Số sách vốn có		1042	
		Số sách hiện đóng		448	
<i>Kinh khố thủ sách</i> A.2601/2	306	Số sách vốn có		8357	Ngày 28 tháng 11 năm Khải Định 9 (1924)
		Số sách hiện đóng		1145	
<i>Sử khố thủ sách</i> (quyển thượng) A. 2601/3	430	Số sách vốn có		19863	Ngày 28 tháng 11 năm Khải Định 9 (1924)
<i>Sử khố thủ sách</i> (quyển hạ) A. 2601/4		Số sách hiện đóng		2599	(không có thống kê)
<i>Từ khố thủ sách</i> (quyển thượng) A.2601/5		Số sách vốn có		9453	(không có thống kê)
		Số sách hiện có		9384	
		Số sách hiện đóng		1381	
<i>Từ khố thủ sách</i> (quyển hạ) A. 2601/6	655	Số sách vốn có		18260	Phần này là tổng kê cho cả phần Từ khố
		Số sách hiện đóng		2670	
<i>Tập khố thủ sách</i> (quyển thượng) A.2601/7					Gồm 4 loại: thi, từ, phú, văn.
<i>Tập khố thủ sách</i> (quyển hạ) A.2601/8	562	Số sách vốn có		16893	Ngày 28 tháng 5 năm Khải Định 10 (1925). Phần này là tổng kê cho cả phần Tập khố.
		Số sách hiện đóng		1998	
<i>Quốc thư thủ sách</i> A.2601/ 9-10	606		606	5100	Năm Khải Định 10 (1925)

Xét về phương thức biên soạn, có thể chia các bộ thư mục ở các thư viện triều Nguyễn thành ba loại:

Loại thứ nhất có tính chất danh mục (list) hơn là thư mục (bibliography) như *Sử quán thư mục*, *Sử quán thủ sách*, *Tàng thư lâu bạ tịch*.

Loại thứ hai là những bộ thư mục có cách biên soạn học tập thư mục học Trung Quốc như *Tự Khuê thư viện tổng mục sách*, *Tự Khuê thư viện tổng mục sách - Quốc thư bản*, *Nội các thư mục*, *Tân thư viện thủ sách*. Các bản thư mục này học tập cách phân loại sách theo *Tứ*

khố toàn thư 四庫全書 (nhà Thanh) nhưng không hoàn toàn triệt để phân chia theo phương thức này vì còn phụ thuộc vào tình hình lưu trữ sách vở thực tế.

Loại thứ ba là *CHV* với cách chia như đã trình bày ở trên. Thư mục này tuy là loại có học tập cách phân chia *Tứ khố* nhưng đã cải tiến, đổi mới cách phân loại sao cho phù hợp với tình hình sách vở của Việt Nam và sự phân ngành trong học thuật đương thời. Thư mục này đã chia bốn kho thành nhiều loại nhỏ, thêm phần *Tân thư* và *Quốc thư*. Riêng phần *Quốc thư* được chia thành 16 loại với tên gọi mang tính chất của khoa học hiện đại. Do vậy, có thể nói bản thư mục này là sự kết hợp giữa thư mục học Trung Quốc và Việt Nam. Tuy trong các thư mục thuộc loại 2 vừa kể trên ngoài phần chính được chia theo *Tứ khố* vẫn có một số mảng nhỏ được chép thêm như *Quốc thư* nhưng không phải là một bộ phận tương đương, tham gia vào kết cấu của thư mục mà chỉ là phần phụ chép. Xét về phương pháp biên soạn thư mục, *CHV* là bộ thư mục hoàn chỉnh nhất, được biên soạn khoa học nhất. Hơn nữa, vì ra đời muộn lại tập hợp được thư tịch từ nhiều nơi chuyển về, trong đó có các thư viện kể trên nên thư tịch được phản ánh trong bản thư mục này có thể nói là phong phú và đa dạng nhất.

Thư tịch Hán Nôm Việt Nam trong *CHV* được chia thành 16 loại mục: *Ngự chế thư* (gồm thơ văn và các thư tịch khác do nhà vua ngự chế), *Pháp học khoa* (các sách về hình luật, điển chế, quan chế, các điều răn với người làm quan, gia lễ, hòa ước, thương ước, các cách thức trị nước), *Quốc sử khoa* (sách

lịch sử Việt Nam gồm có quốc sử, dã sử, phong sử, sử ký, thơ vịnh sử, diễn ca lịch sử, hương khoa lục, khoa bảng lục, bang giao lục, nhật ký các cuộc Bắc sứ v.v...), *Địa học khoa* (địa dư chí, địa đồ, cương giới), *Văn học khoa* (quy tắc trong làm văn, làm thơ, tự loại, sách giáo khoa, các thi tập, văn tập, thi luật, từ, bình chú văn chương, tân văn, tùy bút v.v...), *Văn chương khoa* (các thi tập, văn tập), *Quốc âm thư* (các sách viết bằng chữ Nôm), *Báo học khoa* (công báo, tạp chí), *Truyện kí thư* (tùy bút, lục, gia phả, thế phả, địa chí v.v...), *Diễn truyện* (kịch bản các vở tuồng), *Y học* (sách thuốc, các phương pháp chữa bệnh), *Bắc kinh học khoa* (nghiên cứu của học giả Việt Nam về kinh điển Trung Quốc như diễn nghĩa *Tứ thư*, *Ngũ kinh* v.v...), *Bắc văn học khoa* (tuyển tập các thi văn của Trung Quốc do người Việt Nam thực hiện), *Bắc sử học khoa* (lịch sử Trung Quốc qua biên soạn của học giả Việt Nam), *Thuật học khoa* (các phương pháp tướng địa, tướng trạch, chiêm bốc v.v...), *Thi quyền* (quyền thi của một số kì thi Hương, thi Hội do triều đình nhà Nguyễn tổ chức). Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy về cơ bản có thể chia số thư tịch Hán Nôm này thành 3 nhóm để tiện khảo sát và nghiên cứu.

Nhóm 1: Sách chữ Nôm (tương ứng với kho *Quốc âm thư* trong *CHV*). Hiện nay, trong kho sách Hán Nôm, sách Nôm cũng được xếp thành 1 loại với kí hiệu riêng. Bản thân loại thư tịch này cũng có nhiều nét đặc thù. Ngoài ra, còn có một số ít sách chữ Nôm được chép lẫn trong 14 kho sách chữ Hán của *CHV*.

Nhóm 2: Kịch bản sân khấu như tuồng, chèo (tương ứng với kho *Diễn truyện* trong *CHV*). Tuy phần lớn các kịch bản tuồng được viết bằng chữ Nôm nhưng chúng tôi không xếp vào phần sách Nôm ở trên vì một mặt là để thuận tiện trong việc nghiên cứu, mặt khác bản thân kịch bản tuồng là một thể loại có tính khu biệt cao thuộc về loại hình nghệ thuật sân khấu. Người xưa khi làm thư mục cũng đã có ý tách riêng thành 1 phần.

Nhóm 3: Sách chữ Hán (tương ứng với 14 kho còn lại của *CHV*).

Hai nhóm đầu đã được chúng tôi lần lượt giới thiệu trong hai bài viết: *Sách Nôm trong mục Quốc âm, kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách A.2601/1-11*⁽⁴⁾ và *Tìm hiểu về kịch bản tuồng lưu trữ tại Viện Cổ học (Huế) năm 1925*⁽⁵⁾. Do vậy, ở bài viết này chúng tôi xin chỉ đề cập đến nhóm thứ ba là thư tịch Hán văn Việt Nam (sách chữ Hán).

Phần thư tịch Hán văn Việt Nam này chính là thư tịch được tập hợp từ 14 kho còn lại trong kho *Quốc thư, CHV*. Tổng cộng là 456 tên sách. Trong đó, có lẫn 06 tên sách là sách chữ Nôm⁽⁶⁾. Như vậy, còn lại 450 tên sách chữ Hán. Do điều kiện dung lượng bài viết không cho phép chúng tôi trình bày kỹ về mọi tên sách ở từng bộ thư mục nên chúng tôi xin được quy các tên sách trên theo 3 loại như sau để nghiên cứu, tùy theo mỗi loại mà dung lượng mô tả cũng khác nhau.

1. Sách tồn nghi

Đây là những thư tịch mà chỉ căn cứ vào tên sách và tên tác giả khó có thể xác định rõ ràng về sự hiện còn của chúng trong điều kiện tài liệu hiện tại.

Tổng cộng có 14 tên sách là *An Nam địa dư chí*, Nguyễn Trước Khanh (đời Nguyễn); *An Nam nhất thống chí*, Ngô Chí (đời Nguyễn); *Bổ nghị luật lệ tập biên*, Trần Đình Chu, Nguyễn Khuynh (đời Nguyễn); *Bích Câu thi tập*; *Canh ca tập*, Tuy Lý vương Miên Trinh (đời Nguyễn); *Châu Phong thi tập*, Ngụy Khắc Tuấn (đời Nguyễn); *Cổ Đại Nam nhất thống chí*; *Dược tính tâm đắc*, Hoàng Khoan Phủ; *Đại Nam nhất thống toàn đồ*; *Đại Việt sử ký tiếp lục*, Ngô Sĩ Liên (đời Lê); *Hoàng Việt địa dư*; *Lam Sơn thực lục*, phụ *Trùng san Lam sơn thực lục* cùng với đoạn *Tiền biên* triều Nguyễn; *Toàn Việt thi luật*, Lê Quý Đôn (đời Lê); *Dương Quỳnh Khê thi tập*, sách không chép tên tác giả.

2. Sách hiện còn

Nhóm này bao gồm những thư tịch dựa trên các yếu tố miêu thuật như tên sách, tác giả, nội dung, chúng tôi xác định được chúng vẫn còn hiện hữu trong kho thư tịch Hán Nôm Việt Nam. Tổng cộng là 158 tên sách như *Bảo sinh diên thọ toàn yếu* (Đào Công Chính đời Lê), *Cổ văn hợp tuyển* (Bút Cầm đường xuất bản), *Giải hoặc biên* (Sa môn Hoàng Tán), *Khâm định Vịnh sử phú* (Cục Tu thư triều Tự Đức), *Lịch đại sách lược* (Ân Quang hầu đời Nguyễn), *Tinh thiều tùy bút* (Nguyễn Du đời Nguyễn), *Tồn Am thi tập* (Bùi Huy Bích đời Lê), *Việt Nam phong sử* (Nguyễn Văn Mại đời Nguyễn), *Việt sử thông khảo tổng luận* (Lê Tung, Vũ Quỳnh đời Lê), *Xuân thu quản kiến* (Ngô Hy đời Lê) v.v...

3. Sách hiện đã mất hoặc chưa tìm thấy

Chúng tôi chia loại này thành các nhóm sau:

Nhóm 1: Tác phẩm chưa được biết tên, hiện đã mất, hoặc chưa tìm thấy.

Loại này gồm những thư tịch chưa được giới thiệu trong các tài liệu khác. Ngoài ra, còn có những thư tịch đã từng được nhắc đến trong các tài liệu nghiên cứu (chủ yếu là trong những sách khảo về tác gia tác phẩm như *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*⁽⁷⁾, *Tên tự tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam*⁽⁸⁾ v.v...) nhưng hiện không còn. Bên cạnh đó, loại này còn bao gồm những thư tịch vốn vẫn được coi là tác phẩm của một tác gia nào đó nhưng hiện đã mất hoặc chưa tìm thấy. Tổng cộng là 141 tên sách như *Ba Trình khiển húng* (Hồ Sĩ Đống), *Dịch kinh diễn nghĩa* (Lê Quý Đôn), *Dược tính nghị ký* (Thái y viện triều Nguyễn), *Lê triều dã sử nhật ký* (Khắc Minh đường triều

Nguyễn), *Lịch đại thi tuyển* (Miên Thẩm), *Lục nhâm hội thông* (Lê Quý Đôn), *Nguyên hội vận thế* (có phần dịch sang quốc âm), *Sứ trình loại biên* (Nguyễn Hữu Lập), *Việt sử cương mục thanh tự* (Đình thần triều Tự Đức) v.v...

Ngoài ra còn có 6 đầu sách tập hợp 136 tập bài thi các kì thi như *Thành Thái Đình Mùi khoa Hội thí* (những quyển trúng cách, 3 tập); *Duy Tân niên gian Hội thí* (những quyển trúng cách, 7 tập) v.v...

Nhóm 2: Bổ sung tác phẩm cho các tác gia Hán Nôm.

Loại này gồm những thư tịch là tác phẩm của những tác gia đã được nhắc đến trong hệ thống các tác gia Hán Nôm Việt Nam nhưng tới nay chưa có tài liệu nào đề cập đến những tác phẩm này của họ. Có 37 tác giả được bổ sung tác phẩm (tổng cộng 65 tác phẩm). Chi tiết như sau:

T T	TÁC GIA	TÁC PHẨM BỔ SUNG	THÔNG TIN CHI TIẾT
1	Bùi Huy Bích	<i>Bắc sử tiết yếu</i>	Căn cứ trên lịch sử Trung Quốc, đem tiết yếu các phần tiền biên, chính biên, ngoại kỷ từ đời Tam Hoàng đến đầu đời Nguyên. Gồm mục lục và chính văn tổng cộng 28 quyển được khắc năm đầu niên hiệu Tự Đức (1848). Vốn được lưu giữ tại Tân thư viện ⁽⁹⁾ .
2	Nguyễn Bình Khiêm	<i>Huyền phạm tiết yếu</i>	Chép các hình vẽ của huyền phạm tứ kê Thái Ất âm dương độn và xem việc cát hung trong hành binh. Sách vốn có 5 quyển, đến khi kiểm chỉ còn 1 quyển, bản chép tay do TTV lưu trữ.
3	Cao Bá Đạt	<i>Mai Thôn thi</i>	Chép sáng tác lúc sinh thời và những sự việc khi bị bắt giam.

4	Lê Cao Lãng	<i>Giám toát móng cầu</i>	Soạn theo thể tứ ngôn, chép lịch sử Trung Quốc từ thời Bàn Cổ đến thời Minh. Gồm 1 quyển chép tay do TTV lưu trữ.
		<i>Lê kỳ toát yếu tân biên</i>	1 bản chép tay, biên soạn lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê.
5	Nguyễn Vĩnh Trinh	<i>Hì triều thi tuyển</i>	1 quyển, chép tay.
		<i>Nguyệt Đình thi tập</i>	1 quyển, chép tay, chép thơ văn, truyện ký, đối liên. Sau phụ chép tiểu truyện của Quyển Phu.
6	Đào Duy Từ	<i>Tướng bào kỳ thư</i>	1 quyển, chép tay, nội dung là chép tiểu truyện, cách hành quân, bản vẽ chế tạo khí cụ, pháp lệnh.
7	Hoàng Cao Khải	<i>Việt sử án</i>	Trước có 3 quyển, sau đóng thành 1 quyển đã được khắc in, Cổ học viện mua được trong dân gian. Chép từ Hồng Bàng đến Hậu Lê. Sự tích theo <i>Việt sử thông giám cương mục</i> , chính sự tham khảo ở <i>Lịch triều hiến chương loại chí</i> phân thành các chương, tiết, rồi lại thêm bình luận.
8	Hoàng Tịnh (Hoàng Công Ngạn)	<i>Hoàng Tịnh thi</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép các bài đề vịnh trong thời gian đi sứ sang phương Bắc.
9	Lê Quang Định	<i>Quốc triều điển trù bị lãm</i>	Trước có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ. Chép điển trù, thổ nghi các địa phương.
10	Lê Quý Đôn	<i>Cổ Lê danh thần chương sớ</i>	1 quyển, chép tay, Cổ học viện sao lại. Chép chương sớ của các danh thần đời Lê.
		<i>Cổ Lê danh thần tấu khai</i>	1 quyển, chép tay, Cổ học viện sao lại, chép tấu, khai của các danh thần đời Lê.
		<i>Lê chư thần khai</i>	1 quyển, chép tay, Cổ học viện sao lại, chép tấu, khai của các danh thần đời Lê.
11	Nguy Khắc Tuấn	<i>Nguy Khắc Tuấn đối sách</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép những đối sách của ông.
12	Nguyễn Bá Trác	<i>Đối sách thiên</i>	1 quyển, khắc in, sách do Nguyễn Bá Trác tặng Cổ học viện, chép bài đối sách kỳ thi Đình khoa thi cuối cùng năm Kỷ Mùi.

13	Nguyễn Đăng Thịnh	<i>Chuyết Trai thi tập</i>	Sách gồm 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm đề vịnh của ông.
14	Nguyễn Hữu Lập	<i>Nguyễn Hữu Lập thi văn</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm đề vịnh trong thời gian đi sứ sang phương Bắc.
15	Nguyễn Huy Oánh	<i>Ngũ kinh Tứ thư đại toàn toàn yếu</i>	Ước tập <i>Tứ thư</i> , <i>Ngũ kinh</i> lại thành sách. Sách trước kia có mục lục và chính văn tổng cộng 15 quyển, sau đóng thành 3 quyển, thiếu mất quyển hạ (<i>Luận ngữ</i> , <i>Trung dung</i> , <i>Đại học</i>), bản khắc in, TTV lưu trữ.
16	Nguyễn Mậu Kiến	<i>Kỳ môn tập yếu lược</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, lược chép luận bàn về cách xem theo kỳ môn.
		<i>Lục nhâm tập lược</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép lược biên cách chiêm đoán theo lục nhâm.
		<i>Thái Ất tập yếu</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, lược chép luận bàn về cách xem theo Thái Ất.
17	Nguyễn Thuật	<i>Mãn Hiên ngâm thảo</i>	2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm trong thời gian đi sứ sang phương Bắc.
18	Nguyễn Tư Giản	<i>Liêu Kim Minh sử luận chú</i>	Vốn có 8 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép lịch sử lịch đại đế vương của Liêu, Kim, Minh.
		<i>Nội các đối sách</i>	1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép đối sách của Nội các.
19	Nguyễn Văn Giao	<i>Vạn tự văn</i>	Vốn có 10 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, tìm rộng trong các sách, phân loại, giải thích làm thành sách.
20	Nguyễn Văn Lý	<i>Bắc thành địa dư</i>	Vốn có 12 quyển, sau đóng thành 2 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép cương vực, diện cách, nhân vật, sơn xuyên, thổ sản.
		<i>Đông Khê thi văn tập</i>	Vốn có 12 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép thơ văn (Đông Khê) sáng tác.
21	Nguyễn Văn Siêu	<i>Phương Đình tàn văn</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ.

VỀ MỘT SỐ TÁC GIA TÁC PHẨM HÀN VĂN VIỆT NAM QUA “CỔ HỌC ...

22	Phạm Đình Toái	<i>Quốc triều hương khoa lục</i>	Vốn có 3 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép quê quán những người đỗ đạt các khoa từ khoa Đinh Mão đời Gia Long đến khoa Canh Ngọ đời Tự Đức, phụ chép phương thức thi Hương, Hội.
23	Phạm Đình Trạc	<i>Hào Xuyên học ngôn thi</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm đề vịnh.
24	Phạm Phú Thứ	<i>Như Tây thi thảo</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép thơ sáng tác trên đường đi sang Tây.
25	Phạm Thận Duật	<i>Như Thanh trình lược</i>	1 quyển, chép tay, Cổ học viện sao lại, chép nhật trình chuyển đi sứ sang nhà Thanh.
26	Phan Huy Chú	<i>Đăng khoa bị khảo</i>	4 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép truyện về những người đỗ đạt các triều
27	Phan Thanh Giản	<i>Đường thi tuyển</i>	Vốn có 10 quyển, sau đóng thành 2 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình các danh tác của người đời Đường
		<i>Đông hành thi lục</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm sáng tác trong chuyến đi về phía đông.
		<i>Minh thi tuyển</i>	Vốn có 27 quyển, sau đóng thành 4 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình các danh tác của người đời Minh.
		<i>Tống thi tuyển</i>	Vốn có 18 quyển, sau đóng thành 3 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình các danh tác của người đời Tống
28	Nguyễn Miên Khoan	<i>Thê Viên hợp tập</i>	Trước có 10 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ
29	Nguyễn Miên Thâm	<i>Minh Mệnh cung từ</i>	Vốn có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép 100 bài từ làm ở trong cung vua Minh Mệnh.
		<i>Nguyễn Đình thi sao</i>	Vốn có 5 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, sách tuyển thơ của Vương Sĩ Sấn.
		<i>Thương Sơn thi tập bình chú</i>	Vốn có 48 quyển, sau đóng thành 47 quyển, bản chép tay, vốn do Cổ học viện lưu trữ, riêng quyển 48 trước do TTV lưu trữ, chép các tác phẩm đề vịnh của Thương Sơn, Phan Thanh Giản phê bình, Hồng Phi hiệu chú.

		<i>Thương Sơn văn tập</i>	1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép các bài minh, tán, tụng, hịch, từ.
		<i>Tam tài hợp biên</i>	Vốn có 6 quyển, sau đóng thành 2 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình các bài thơ của Vương Duy, Lí Thái Bạch, Đỗ Phủ đời Đường (một quyển chép thơ Đỗ Phủ, một quyển chép thơ Vương Duy và Lí Bạch).
		<i>Thẩm Qui Ngụ thi tuyển</i>	Vốn có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình thơ của Thẩm Đức Tiềm.
		<i>Thương Sơn lịch đại văn tuyển</i>	Vốn có 15 quyển, sau đóng thành 3 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình văn các đời Trung Quốc từ Xuân Thu đến cuối Minh.
30	Nguyễn Miên Tông	<i>Thiệu Trị ngự đề Hội đồ thi</i>	Ngự đề danh thắng, cổ tích, thời lệnh, nhân vật, thi thảo, phụ chép <i>Thần kinh thập nhị cảnh</i> .
		<i>Thiệu Trị thánh chế cổ kim thể cách thi pháp</i>	Mục lục và sách 4 quyển, vốn có 1 quyển, khắc in năm Thiệu Trị 7 (1847), tập hợp thi pháp thể cách làm thơ xưa nay mà thành sách.
		<i>Thiệu Trị ngự chế lịch đại tổng luận</i>	Mục lục và sách 3 quyển, vốn có 1 quyển, khắc in năm Thiệu Trị 6 (1846), phụng chép Ngự chế tổng luận về các đời của Bắc quốc.
		<i>Thiệu Trị văn quy</i>	Mục lục và sách 523 quyển, vốn có 1 quyển, bản chép tay, Cổ học viện lưu trữ, đình thần triều Thiệu Trị vâng mệnh tập hợp các văn bằng trắc, đình thần triều Tự Đức 20 (1868) phụng duyệt biên.
31	Nguyễn Miên Trình	<i>Thanh Bình thi tuyển</i>	Vốn có 3 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm đề vịnh.
		<i>Tuy Lý vương ứng chế</i>	1 quyển, bản chép tay, Cổ học viện sao lại, học cổ nhân luận thể thơ.
		<i>Vĩ Dã văn sao</i>	1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép các sách bi ký, minh văn, châm, phú.
32	Nguyễn Miên Tuấn	<i>Khiêm Trai thi</i>	Vốn có 4 quyển sau đóng thành 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm đề vịnh.
33	Nguyễn Ứng Trình	<i>Đại học yếu chỉ</i>	1 quyển, bản khắc in năm Khải Định 9 (1924), TTV lưu trữ, san tỉnh chiếu theo bản <i>Đại học tiết yếu</i> .

34	Nguyễn Hoàng Tông	<i>Khải Định ngự giá như Tây kỹ</i>	1 quyển, bản khắc in năm Khải Định 9 (1924), sách do Bộ Học chuyển giao cho Cổ học viện, ghi chép theo lối “mục” về chuyến vua Khải Định đi Tây năm 1922.
35	Trương Đăng Quế	<i>Lí Thái Bạch thi</i>	Vốn có 3 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình các tác phẩm thi ca của Lí Thái Bạch.
		<i>Nhị thập tứ thi phẩm</i>	Vốn có 5 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản khắc in, TTV lưu trữ, tuyển bình các bài thơ nổi tiếng.
36	Trương Quốc Dụng	<i>Trương Quốc Dụng thi tập</i>	1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép thơ (Trương Quốc Dụng) sáng tác.
37	Nguyễn Hồng Nhậm	<i>Tự Đức ngự chế Khiêm cung ký</i>	1 quyển, trước là bản chép tay do chính tay vua Tự Đức biên chép, đến năm Tự Đức thứ 28 (1876) thì khắc in. Nội dung: năm Tự Đức thứ 24 (1872) khâm phụng Ngự chế chép ý nghĩa của Khiêm cung.
		<i>Tự Đức ngự chế Nam kỳ thổ sản phú</i>	1 quyển, bản chép tay, sách này chép bài phú về thổ sản địa phương làm theo lệnh vua. Sách do người Hà Tiên là Trần Văn Doãn cồng.
		<i>Tự Đức ngự đề văn tập</i>	Vốn có 7 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép tay, phụng chép thơ văn ứng chế từ năm thứ 22 đến năm 36 đời vua Tự Đức.
		<i>Tự Đức ngự (tuyển) chế Đỗ thi toát yếu</i>	30 quyển, khâm phụng ngự tuyển thơ Đỗ (Phủ) và bình chú khen chê biên soạn thành 1 tập.
		<i>Tự Đức ngự chế lịch đại thi tập</i>	1 quyển, chép tay, khâm phụng ngự tuyển thơ ca, ca dao các đời của Trung Quốc.
		<i>Tự Đức ngự chế thiên tự văn</i>	1 quyển, do chính tay Tự Đức chép năm Tự Đức 23 (1871).

Nhóm 3: Tác phẩm của tác gia Hán Nôm chưa được giới thiệu.

Loại này là những tác phẩm của tác gia chưa được giới thiệu ở các tài liệu khác. Tổng cộng là 43 tác gia (41 tác phẩm). Chi tiết như sau:

(1) Bạch Mai tiên sinh, người đời Lê, có tác phẩm là *Tạp vịnh thi tập*, 1 quyển chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm tạp vịnh của tác giả.

(2) Bùi Bá Cẩn, chưa rõ thời đại, tác phẩm còn lại của ông là *Bùi Diễm Hiên*

thi tập, gồm 1 quyển chép tay do Cổ học viện sao lại, chép các tác phẩm thơ, văn, luận, văn cúng của ông.

(3) Bùi Bá Đông, chưa rõ thời đại, có tác phẩm là *Trị bình bát mục* gồm 1 quyển, bản chép tay, sách vốn do TTV lưu trữ, Cổ học viện sao chép lại. Nội dung: chép 8 điều là kiến quan, quân điền, chế binh, khái sĩ, liễm tài, chế lộc, lập giáo, thủ sĩ.

(4) Bùi Văn Trường, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Tây Tâm đình thi thảo*, 1 quyển chép tay, TTV lưu trữ, chép thơ sáng tác.

(5) Đặng Đình La, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Bình kính bị khảo*, tổng cộng 16 quyển, sau đóng thành 3 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ. Nội dung: chép các thiên về kế sách hành quân, việc binh hư thực, quân tĩnh quân biến, địa hình hành quân, công dụng của cửu địa. Phụ tập chú một quyển *Bình kính* (trong đó bao gồm 2 quyển).

(6) Đặng Hữu Siêu, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Thái Ất chiêm*, vốn có 5 quyển, sau đóng thành 1 quyển, lược chép luận bàn về cách xem theo Thái Ất, trong có một đoạn được diễn thành quốc âm.

(7) Hoàng Công Thịnh, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Hà Đại Phục thi*, vốn có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình thơ của Hà Cảnh Minh đời Minh.

(8) Hoàng Đình Chuyên, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Hoàng Đình Chuyên tập*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép thơ văn sáng tác của tác giả.

(9) Nguyễn Hồng Trước, *Đại Nam liệt truyện*⁽¹⁰⁾ chỉ chép là: “Con thứ 15

của Hiến tổ Chương Hoàng đế, chết non”. Thư mục biên chép ông có tác phẩm *Ngũ hành sơn lục*, 1 quyển, bản chép tay, Cổ học viện thuê sao lại. Sách chép về Ngũ hành sơn, sự tích chùa núi, sắc văn, và các đề vịnh lưu lại.

(10) Lê Liên Hồ, chưa rõ thời đại, chỉ biết ông từng được cử đi sứ phương Bắc, tác phẩm còn lại là *Sứ trình ngẫu đắc*, 1 quyển, tập hợp những bài đề vịnh trong hành trình đi sứ này.

(11) Lê Quang Huân, Ngô Dục Phương. Ở đây qua một tác phẩm là *Mai Thôn thi tập*, vốn có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chúng ta biết thông tin về hai tác giả: một là Lê Quang Huân, đời Nguyễn người đã tuyển bình tác phẩm của một tác giả khác; hai là tác giả có tác phẩm được ông tuyển bình là Ngô Dục Phương (chưa rõ thời đại).

(12) Lê Thái Chi, chưa rõ thời đại, có tác phẩm *Quốc sử tập yếu*, 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, chép lịch sử từ Đinh Tiên Hoàng đến cuối đời Trần.

(13) Lê Thiện Dưỡng, người đời Lê, có tác phẩm *Dịch phạm mật áo*, vốn có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép cách chiêm đoán theo Thái Ất tứ kê.

(14) Lê Tự Chân, người đời Nguyễn. Thư mục cung cấp hai tác phẩm của ông là *Hổ trướng khu cơ*, vốn có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ. Nội dung: gồm những điều lệnh, phép hành quân mà Đào Duy Từ được truyền thụ biên tập thành sách và *Lục quân bí truyền pháp*, đem nguyên bản sách của Hoàng Thạch công mà

người tiểu phu núi Hoa Sơn được bí truyền đem vụng tập thành sách.

(15) Lê Quỳnh, chưa rõ thời đại (theo Thư mục, tác gia này được chưa là "chưa rõ thời đại", nay căn cứ vào nhiều tài liệu đã xác định đây là tác gia đời Lê), biên soạn *Trường Phái hầu bắc hành lược biên*, 1 quyển, bản chép tay do Cổ học viện sao lại. Nội dung: chép sự tích theo vua sang Thanh và bài ký trên bia mộ.

(16) Ngô Cao Lãng, người đời Nguyễn, không phải là Lê Cao Lãng (đời Lê), có tác phẩm là *Nghĩa ba dịch huấn*, 1 quyển, chép tay, TTV lưu trữ, giải những nghĩa còn nghi hoặc trong *Kinh Dịch*.

(17) Nguyễn Cửu Trường (? - 1853), người đời Nguyễn, có tác phẩm là *Vật danh giải biên*, vốn có 4 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ. Nội dung: biên chép rõ ràng tên các loại thảo mộc, trà quả, điều thú. *Đại Nam liệt truyện*⁽¹¹⁾ không chép về trước tác của ông.

(18) Nguyễn Đăng Giai (? - 1855), người đời Nguyễn, có tác phẩm *Nguyễn Đăng Giai đối sách*, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép đối sách ứng chế của tác giả. *Đại Nam liệt truyện*⁽¹²⁾ chỉ chép về hành trạng và công tích của ông.

(19) Nguyễn Đồng, người đời Nguyễn, đã từng đi sứ sang nhà Thanh, có tác phẩm *Nguyễn Đồng thi tập*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ. Nội dung tác phẩm là chép các tác phẩm làm trong thời gian ông đi sứ sang phương Bắc.

(20) Nguyễn Hi Lượng, người đời Nguyễn, đã từng đi sứ sang nhà Thanh,

có tác phẩm *Sứ trình thi thảo*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ. Sách chép các bài đề vịnh trên đường đi trong thời gian đi sứ sang phương Bắc. Sau phụ chép thơ tặng của quan viên nhà Thanh.

(21) Nguyễn Hiệp, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Tây đường toàn tập*, vốn có 3 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình các thi phẩm của Vưu, Đồng. Phần sau phụ thêm phần tặng tuyển của Tùng Quốc công. (Chữ “Tây đường” ở đây là chỉ sách *Tây đường tạp trở* do Ngô Hạ Vưu và Đồng Triễn Thành người Trung Quốc soạn)

(22) Nguyễn Huy Bảo, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Tào Khê thi tập*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, ghi các tác phẩm đề vịnh.

(23) Nguyễn Huy Tự, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Di Sơn thi tập*, vốn có 3 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, tuyển bình các tác phẩm của Nguyễn Hiếu Ván đời Kim. Cần phân biệt tác gia thời Nguyễn này với Nguyễn Huy Tự người đời Lê (1743-1790), tác giả của *Hoa tiên truyện*.

(24) Nguyễn Kế Thuật, người đời Lê, có tác phẩm *Cẩm tú thi*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép các bài thơ viết dâng lên vua.

(25) Nguyễn Khuê, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Toát vận huấn hải*, vốn có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, biên tập các văn bằng, trắc.

(26) Nguyễn Thị Bình, chưa rõ thời đại, có tác phẩm *Như Yên thi tập*, 1

quyển, bản chép tay, Cổ học viện sao lại. Chép các tác phẩm trong thời gian đi sứ sang phương Bắc. (Thư mục chép tên là Nguyễn Thị Bình, không biết có nhầm lẫn không. Nếu xét về tên gọi, đây có lẽ là tên của phụ nữ, trong lịch sử phong kiến Việt Nam theo chúng tôi được biết thì hiếm thấy có phụ nữ nào được cử đi sứ phương Bắc).

(27) Nguyễn Văn Chính, chưa rõ thời đại, có tác phẩm *Minh lương khai cáo lục*, 1 quyển, bản chép tay, Cổ học viện sao lại, chép các bài thơ làm trong thời gian đi sứ sang phương Bắc.

(28) Nguyễn Văn Chuẩn, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Sứ trình tùy bút thảo*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ.

(29) Nguyễn Văn Tường, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Thiên Nam hòa ước cập thương ước*, vốn có 2 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản khắc in năm Tự Đức thứ 27 (1875), TTV lưu trữ. Chép hòa ước và thuế thông thương năm Tự Đức thứ 17 (1865).

(30) Nguyễn Viện (đời Lê) và Lê Nguyên Trung (? - 1849), *Lịch triều lịch khoa lục*, vốn có 4 quyển, sau đóng thành 1 quyển, bản khắc in, TTV lưu trữ. Chép quê quán những người đỗ kỳ thi Hội từ đời Lý Nhân Tông (1072 - 1127) đến khoa Giáp Thìn năm Thiệu Trị thứ 4 (1844).

(31) Phạm Cao Thứ, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Lịch triều thống hệ niên thứ*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép từ Bàn Cổ đến Minh Hoài Tôn tổng cộng là niên biểu, tên họ của 22 vị đế vương.

(32) Tôn Thất Thường (1781-1848), người đời Nguyễn, có tác phẩm *Nhân luận*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, luận bàn về những điều căn bản của nhân khoa. Theo *Đại Nam liệt truyện*⁽¹³⁾ ông thuộc dòng thứ 7, con trưởng của Tôn Thất Thiện. Sách này không chép gì về tác phẩm của ông.

(33) Phan Bật Triệu, chưa rõ thời đại, có tác phẩm *Sử biên truy vịnh*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép các tác phẩm truy vịnh để vương các đời, bề tôi, danh nhân soạn thành sách.

(34) Phan Liêm, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Phan Tam Ngũ Tây hành ký*, chép nhật ký đi sang Tây, 1 quyển, bản chép tay, Cổ học viện sao lại.

(35) Trần Kiến Ân, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Lục nhâm Kỳ môn Thái Ất*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, lược chép luận bàn về các phép xem: Lục nhâm, Kỳ môn, Thái Ất.

(36) Trần Thiện Thuật, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Chư sự giải nghi*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, dùng thơ ngũ ngôn cổ luật để vịnh *Nhi thập nhị sử*.

(37) Trần Văn Chuẩn, người đời Nguyễn, bình luận sách *Tòng chính di qui trích sao*, sách này trích sao từ sách của Trần Hoảng Mưu đời Thanh, kèm bình luận. Sách nguyên có 3 quyển gồm mục lục và chính văn, sau đóng thành 1 quyển, bản khắc in năm Tự Đức thứ 31 (1879), TTV lưu trữ.

(38) Trịnh Đình Thái, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Liên Khê thi tập*, 1 quyển, bản chép tay, TTV lưu trữ, chép thơ do Liên Khê sáng tác.

(39) Trương Hảo Hợp, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Như Tây hành trình ký*, 1 quyển, bản chép tay, Cổ học viện sao lại, chép hành trình phụng lệnh đi sứ sang phía đông.

(40) Võ Văn Tài, người đời Nguyễn, có tác phẩm *Long Khê thi loại*, chép các tác phẩm tạp vịnh.

(41) Vũ Phiên, người đời Lê, có tác phẩm *Kỳ ngọc vũ gia*, vốn có 4 quyển, sau đóng thành 1 quyển, chép các tác phẩm đề vịnh trên đường đi sứ và *Tinh thiều tùy bộ thi tập*, 1 quyển, chép các tác phẩm đề vịnh trên đường đi sứ. Hai sách đều là bản chép tay, TTV lưu trữ.

(42) Vũ Tôn Thai, người đời Lê, có tác phẩm *Quần thư thái diễm*, mục lục sách và chính văn tổng cộng 4 quyển, sau đóng thành 1 quyển. Nội dung: tuyển chọn những câu văn hay trong các sách, phân môn định loại làm thành sách.

Ngoài ra, tuy phần thư mục được khảo sát là phần biên chép thư tịch Hán Nôm Việt Nam nhưng trong đó các nhà biên mục thời Nguyễn đã liệt kê nhiều tác phẩm là sách của Trung Quốc do người Việt Nam sao chép hoặc in lại. Đối với những sách người Việt Nam có tham gia vào quá trình biến đổi nguyên bản văn bản của Trung Quốc như trích sao, tiết yếu, diễn nghĩa, chú thích v.v... chúng tôi đưa vào 3 mục trên để khảo sát sự hiện còn của chúng. Đối với những sách người Việt chỉ đơn thuần sao chép hoặc in lại mà không gia công thêm, tổng cộng là 25 tên sách xin không đề cập ở đây.

Như vậy, qua những thông tin về sách chữ Hán được biên chép trong 14

mục còn lại của kho *Quốc thư*, CHV ở trên, chúng tôi bước đầu đã giới thiệu sơ lược về những thư tịch này cùng với một vài kiến giải riêng. Có thể thấy, ngoài 25 tên sách được xác định là thư tịch Trung Quốc do người Việt Nam sao chép hoặc trùng ấn và 06 tên sách Nôm còn lại đều là thư tịch Hán văn Việt Nam. 14 thư tịch tồn nghi nêu ra một số vấn đề về văn bản và tác giả, đây là cơ sở để khi tìm được những tài liệu và thông tin liên quan thì những thư tịch này sẽ gợi mở cho người nghiên cứu văn bản học. 158 tên sách được xác minh là hiện còn trong kho sách Hán Nôm Việt Nam là một trong những cứ liệu để nghiên cứu khả năng kho sách Hán Nôm hiện nay một phần xuất phát từ Cổ học viện, nhưng con số này so với tổng số sách khảo sát được là 425 tên sách cũng cho thấy số sách đã mất đi trong vòng chưa đầy một trăm năm là khá lớn, đồng thời cũng là cơ sở để chúng ta có thể tìm được những thư tịch này trong tương lai. Các tên sách hiện còn này cung cấp những thông tin có giá trị bổ sung cho chính những tên sách hiện còn trong kho sách Hán Nôm hiện nay, bởi qua thời gian, những sách này không còn nguyên vẹn hoặc thiếu thông tin về tác giả, hoặc mất đi vài phần nội dung thì thông tin do bộ thư mục đem lại có để phục dựng bộ mặt ban đầu cũng như người làm ra các thư tịch đó. Trân trọng hơn cả là những thông tin về những tác phẩm được xác định là hiện không còn (hoặc chưa tìm thấy). Những thư tịch này một mặt đã làm dồi dào thêm kho tàng thư tịch Việt Nam, mặt khác lại bổ sung cho các tác

gia đã biết nhiều tác phẩm chưa được biết đến của họ, giúp phục dựng lại hoàn chỉnh sự nghiệp trước tác của các tác gia ấy, cho biết thêm về tên tự, tên hiệu khác của họ. Hơn nữa, thư tịch đã cung cấp thông tin về 43 tác gia chưa được biết đến trong danh mục tác gia Hán Nôm Việt Nam hoặc có những tác gia chỉ được biết đến với tư cách một nhân vật lịch sử chứ không phải là một tác gia văn học. Thư mục đã trả lại cho họ những gì họ đáng phải được biết đến.

N.T.L

Chú thích:

(1) Kí hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Từ đây xin viết tắt là TV VHN.

(2) Trong các bản thư mục kể trên, ngoài bản mang kí hiệu SA.HM.2185 là bộ thư mục được lưu trữ tại Thư viện Hiệp hội châu Á Paris (Société Asiatique, Paris) vốn thuộc tủ sách của học giả H. Maspéro và bản *Bí thư sở thủ sách* hiện thuộc về thư viện gia đình ông Trần Đình Sơn tại Tp. Hồ Chí Minh, các bản thư mục còn lại đều được lưu trữ tại TV VHN.

(3) Từ đây xin viết tắt là CHV.

(4) Bài viết tham gia Hội nghị chữ Nôm quốc tế lần thứ 1 năm 2004, đăng trên tạp chí *Thời đại mới* (<http://www.thoidai.org>), số 5, tháng 7 năm 2005. In trong *Nghiên cứu chữ Nôm*, Nxb. KHXH, H. 2006, tr.322-333.

(5) *Thông báo Hán Nôm học 2004*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, H. 2005, tr.289-295.

(6) Tổng cộng 06 tên sách chia thành 3 nhóm. Nhóm 1: Tác phẩm chưa được biết tên, hiện đã mất, hoặc chưa tìm thấy: *Lục nhâm thao lược*, *Thi kinh Chu chú diễn nghĩa*. Nhóm 2: Bổ sung tác phẩm cho tác gia Hán Nôm, gồm 2 tác gia: Lê Quý Đôn được bổ sung *Lễ kinh diễn nghĩa* và *Thi kinh diễn nghĩa*; Tục Đức (Nguyễn Hồng Nhậm) được bổ sung *Tục Đức ngữ chế Quốc âm thi ca*. Nhóm 3: Tác phẩm của tác giả chưa được biết đến có Đinh Kỳ Diên, chưa rõ thời đại, *Lịch đại sử ca*.

(7) Trần Văn Giáp: *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, tập 1: Thư viện Quốc gia xuất bản, H. 1970; tập 2: Nxb. KHXH, H. 1990.

(8) Trịnh Khắc Mạnh: *Tên tự tên hiệu các tác gia Hán Nôm Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H. 2006.

(9) Từ đây xin viết tắt là TTV.

(10) Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện* (bản dịch của Viện Sử học), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993. 4 tập. Tập 3, tr.167.

(11) Quốc sử quán triều Nguyễn, Sđd, tập 4, tr.184.

(12) Quốc sử quán triều Nguyễn, Sđd, tập 3, tr.250.

(13) Quốc sử quán triều Nguyễn, Sđd, tập 3, tr.213.